

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2021/HC/PT

Ngày 18/6/ 2021

V/v “Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước
về đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương

Các Thẩm phán: Ông Ngô Anh Dũng;
Ông Nguyễn Hải Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 31/2021/TLPT-HC ngày 14/01/2021 về “Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 233/2019/HCPT ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4498/2021/QĐPT-HC ngày 03 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

***Người khởi kiện:**

- Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1965;
- Ông Trần Văn A1, sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: Số 137 đường P, tổ 30, phường X, quận Y, Thành phố H. Ông A1 có mặt, bà A vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Hoàng Đ và luật sư Phạm T, Đoàn luật sư Thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân quận Y, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền (*theo Giấy ủy quyền số 848/UQ/UBND ngày 11/6/2021*): Ông Lê Hg, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Y. Vắng mặt tại phiên tòa (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân phường X, quận Y.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần P, Phó Chủ tịch UBND phường X. Vắng mặt.

2. Anh Trần A3 sinh năm: 1999; Địa chỉ: Số 137 đường P, Tổ 30, phường X, quận Y, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Thực hiện Văn bản số 133/UBND/QHXDGT ngày 08/01/2014 và Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H về việc triển khai đầu tư và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường từ khu đô thị X đến đường ven sông M và cầu nối sang đường N (thuộc tuyến đường nối từ phố Q đến đường ven sông M và cầu nối sang đường N) - sau đây viết tắt là Dự án, ngày 04/12/2016 UBND quận Y đã ban hành Quyết định số 3721/QĐ-UBND về việc thu hồi 19,8m²/21,2m² đất do người sử dụng đất là bà Nguyễn Thị A và ông Trần Văn A1 và Quyết định số 3736/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Thị A, ông Trần Văn A1 với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất là 939.512.000 đồng; gia đình được xét mua 01 căn hộ tái định cư số 805 nhà Chung cư ĐN3 lô đất OCT1/ Điểm X1, Khu đô thị B mở rộng quận P với diện tích 58,12m².

Ngày 29/11/2016, ông Trần Văn A1 và bà Nguyễn Thị A nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3721/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 về việc thu hồi đất và Quyết định số 3736/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND quận Y. Đơn khởi kiện của người khởi kiện, trình bày của đại diện theo ủy quyền có nội dung:

Quyết định số 3721/QĐ-UBND và Quyết định số 3736/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của UBND quận Y ban hành dựa trên cơ sở là Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND thành phố H. Theo người khởi kiện, Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 là quyết định trái pháp luật, vì phê duyệt Dự án không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn quận Y thời kỳ 2011-2015; Việc lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng đoạn tuyến đường trên của Dự án và thu hồi đất không lấy ý kiến nhân dân; nhân dân không được tham gia; Dự án không phù hợp quy hoạch sử dụng đất của quận Y; Mục tiêu của dự án không đúng sự thật, không khách quan mà là nhằm phục vụ cho lợi ích của doanh nghiệp; Dự án thuộc trường hợp phải dừng thực hiện theo quy định của pháp luật. Dự án không được thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp về quy hoạch sử dụng đất trước khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Ngày 07/11/2018, đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn A1 và bà Nguyễn Thị A có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND thành phố H. Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố H ban hành Văn bản kiến nghị với UBND thành phố H xem xét đối với Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND thành phố H theo quy định tại Điều 111 và Điều 187 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Đại diện Ủy ban nhân dân quận Y trình bày quan điểm về yêu cầu của người khởi kiện: xác định đã ban hành Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường cho hộ gia đình bà A, ông A1 là đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền, đúng nội dung. Người bị kiện cung cấp các Quyết định của UBND thành phố H liên quan đến Dự án, hồ sơ thu hồi đất và bồi thường cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị A, ông Trần Văn A1; đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện UBND phường X trình bày quan điểm:

UBND phường X đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo thẩm quyền với tư cách là thành viên Tổ công tác giúp việc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quận cũng như là cơ quan xác nhận nguồn gốc đất tại cơ sở. Nhất trí với nội dung, quan điểm của UBND quận Y và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo pháp luật.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 233/2019/HC/ST ngày 31/10/2019, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 và Điều 348 Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng khoản 3 Điều 62; Điều 63; khoản 2 Điều 66; Điều 69; khoản 3 Điều 71; Điều 74; Điều 75; Điều 79; Điều 83; Điều 89; Điều 91; Điều 92; Điều 93 và Điều 204 Luật đất đai 2013.

Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 49, Điều 50 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015.

Căn cứ khoản 6 Điều 17 và Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ/CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; các Điều 6, Điều 9, Điều 28 và Điều 33 Nghị định số 47/ 2014/NĐ/CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Căn cứ Điều 5, Điều 7, Điều 11, Điều 12, Điều 14, Điều 23 và Điều 25 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014; khoản 4 Điều 37 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017; Quyết định số 4002/QĐ-UBND ngày 21/7/2016 và Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A và ông Trần Văn A1 về việc đề nghị Tòa án giải quyết hủy các quyết định hành chính, gồm:

- Quyết định số 3721/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của Ủy ban nhân dân quận Y: “Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị X đến đường ven sông M và cầu nối sang đường N (thuộc tuyến đường nối từ phố Q đến đường ven sông M và cầu nối sang đường N)”; đối với chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị A và ông Trần Văn A1.

- Quyết định số 3736/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của Ủy ban nhân dân quận Y về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện giải

phóng mặt bằng Dự án đối với bà Nguyễn Thị A, ông Trần Văn A1.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/11/2019, ông Trần Văn A1 và bà Nguyễn Thị A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Văn A1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm, hủy các Quyết định 3721/QĐ-UBND và Quyết định 3736/QĐ-UBND của UBND quận Y với lý do UBND quận Y thu hồi và bồi thường để phục vụ Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường từ khu đô thị X đến đường ven sông M và cầu nối sang đường N (thuộc tuyến đường nối từ phố Q đến đường ven sông M và cầu nối sang đường N), là không đúng quy định của pháp luật.

Các luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày quan điểm với nội dung cho rằng các tài liệu mà UBND quận Y cung cấp cho Tòa án (Bản thuyết minh quy hoạch sử dụng đất quận Y, Bản đồ quy hoạch sử dụng đất ...) không thể hiện có Dự án (đoạn tuyến đường từ khu đô thị đến đường ven sông M và cầu nối sang Đường N), không có quy hoạch giao thông ngoại khu Royal City; Dự án này cũng không có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của quận Y; UBND thành phố chỉ đạo là dự án chuyển tiếp không phải trình Hội đồng nhân dân thành phố là trái quy định; Dự án không được tổ chức họp lấy ý kiến nhân dân, quá trình triển khai cũng không thực hiện đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn A1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, có quan điểm UBND quận Y đã thực hiện đúng thẩm quyền, theo đúng trình tự, thủ tục thu hồi, bồi thường quy định của Luật đất đai. Dự án được triển khai theo các Quyết định của UBND thành phố H và phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (là đất giao thông) của UBND quận Y, thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi và bồi thường. Các Quyết định thu hồi và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường của UBND quận Y đối với hộ gia đình đã bảo đảm đúng quy định của Luật đất đai và các Quyết định của UBND thành phố H, do vậy bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện hủy Quyết định số 3721/QĐ-UBND và Quyết định số 3736/QĐ-UBND của UBND quận Y ban hành cùng ngày 04/11/2016, là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, giữ nguyên Quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của đương sự và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị A và ông Trần Văn A1 yêu cầu hủy Quyết định số 3721/QĐ-UBND

và Quyết định số 3736/QĐ-UBND cùng ngày 04/11/2016 của UBND quận Y là đúng quy định tại Điều 204 Luật đất đai; khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Văn A1:

[2.1] Căn cứ để UBND quận Y thu hồi đất và bồi thường cho hộ gia đình theo Dự án là các Quyết định và văn bản sau của UBND thành phố H:

- Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 05/3/2009 về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Khu chức năng đô thị tại số 74 đường Nguyễn Trãi, quận Y, Hà Nội;

- Quyết định số 5907/QĐ-UBND ngày 29/11/2010 về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng - Tỉ lệ 1/500 Khu chức năng đô thị tại số 74 đường Nguyễn Trãi, quận Y, thành phố H, trong đó có quy hoạch giao thông;

- Quyết định số 5982/QĐ-UBND ngày 02/10/2013 về phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) quận Y; kèm theo Quyết định là Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch sử dụng đất của UBND quận Y được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội ký xác nhận thẩm định ngày 19/9/2013, trong đó có danh mục các công trình, Dự án trong kỳ kế hoạch quận Y tại biểu số 11/CH, mục QH đất giao thông diện tích 7.35 ha thuộc phường X, kế hoạch thực hiện năm 2012;

- Quyết định số 6188/ QĐ-UBND ngày 14/10/2013 về phê duyệt cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư Dự án xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị X đến đường ven sông M và cầu nối sang đường N. Tên Dự án: Xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị X đến đường ven sông M và cầu nối sang đường N (thuộc tuyến đường nối từ phố Q đến đường ven sông M và cầu nối sang đường N); Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải; Địa điểm đầu tư: quận Y;

- Văn bản số 133/UBND-QHXDGT ngày 08/01/2014 triển khai đầu tư Dự án “...giao UBND quận Y làm chủ đầu tư thực hiện phần công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư (công tác GPMB) của Dự án...”;

- Văn bản số 3247/STNMT/KHTH ngày 20/6/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định: “Dự án xây dựng tuyến đường từ Khu đô thị X đến đường ven sông M và cầu nối đường N (thuộc tuyến đường nối từ phố Q đến đường ven sông M và cầu nối đường N) đã được đăng ký trong danh mục các dự án thuộc quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) quận Y được Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5982/QĐ-UBND ngày 02/10/2013”. Sở Quy hoạch - Kiến trúc có ý kiến thẩm định tại văn bản số 2446/QHKT/P7 ngày 25/6/2014: “Đề xuất đầu tư xây dựng đoạn tuyến từ Khu đô thị X đến đường ven sông M là phù hợp với quy hoạch được duyệt và hồ sơ chỉ giới đường đỏ tỉ lệ 1/500 do Viện Quy hoạch xây dựng xác định ngày 26/3/2014”;

- Ngày 25/9/2014, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 4957/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án. UBND thành phố H giao UBND quận Y làm chủ đầu tư giải phóng mặt bằng của Dự án;

- Biên bản xác định mốc giới và bàn giao mốc giới ngày 11/11/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường (đã được xác định trên thực địa); Văn bản số

8984/UBND/TNMT ngày 18/11/2014 của UBND thành phố H về việc thu hồi đất dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị X đến đường ven sông M và cầu nối sang đường N. Theo ý kiến của Sở Quy hoạch kiến trúc tại văn bản số 4560/QHKT/TTra ngày 08/10/2015, thể hiện: “Về mặt quy hoạch tuyến đường nối từ phố Q đến đường ven sông M được xác định thống nhất về quy mô, hướng tuyến tại tất cả các đồ án quy hoạch đã được duyệt.”;

- Ngày 18/11/2014, UBND thành phố H có văn bản số 8984/UBND/TNMT gửi UBND quận Y có nội dung: Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến từ khu đô thị X đến đường ven sông M và cầu nối sang đường N đã được UBND thành phố phê duyệt và cho phép đầu tư tại Quyết định số 6188/QĐ-UBND ngày 14/3/2013 (...) Theo quy định tại Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, dự án nêu trên thuộc dự án chuyển tiếp thực hiện trong năm 2014, không phải làm thủ tục báo cáo HĐND Thành phố phê duyệt danh mục dự án thu hồi đất năm 2015. Giao UBND quận Y hoàn thành thủ tục quyết định thu hồi đất đối với các hộ dân;

Tại văn bản số 6244/STNMT/QHKHSDĐ ngày 05/11/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường, có nội dung: “Về quy hoạch sử dụng đất: UBND thành phố phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011/2015) quận Y tại Quyết định số 5982/QĐ-UBND ngày 02/10/2013;

Về kế hoạch sử dụng đất: Ngày 23/01/2015, UBND thành phố có Quyết định số 346/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2015 quận Y, trong đó: Chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng (246,84 ha); Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến từ khu đô thị X đến đường ven sông M và cầu nối sang đường N (0,23 ha) đã được tổng hợp trong danh mục kế hoạch sử dụng đất năm 2015 quận Y ...”.

[2.2] Với nội dung các văn bản, Quyết định nêu trên của UBND thành phố H đủ cơ sở xác định Dự án phù hợp quy định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định Luật đất đai, thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định Quyết định số 4957/QĐ-UBND phê duyệt Dự án là quyết định phê duyệt tổng thể, không mang tính cá biệt, không là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Căn cứ Quyết định này và các văn bản, quyết định khác của UBND thành phố H, UBND quận Y đã thực hiện hiện trình tự thủ tục thu hồi đất, bồi thường cho các hộ dân thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng, trong đó có hộ gia đình bà A, ông A1. Do vậy, không có cơ sở xác định UBND quận Y Dự án trái pháp luật để thu hồi đất của hộ gia đình, như kháng cáo của ông Trần Văn A1 nêu.

[3] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục:

[3.1] Về thẩm quyền:

Dự án xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị X đến đường ven sông M và cầu nối sang đường N là dự án phục vụ lợi ích công cộng, thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 và Điều 63 Luật đất đai 2013. UBND quận Y ban hành các Quyết định trên đúng thẩm quyền tại khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai.

[3.1] Về trình tự, thủ tục:

Ngày 22/01/2014, UBND quận Y có Quyết định số 166/QĐ-UBND về việc giao Ban quản lý dự án quận thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư công tác giải phóng mặt

bằng để thực hiện Dự án. Ngày 08/5/2014, UBND quận ban hành Thông báo số 188/TB-UBND về việc Thông báo thu hồi đất thuộc phường X, quận Y. Ngày 30/6/2014, UBND quận Y ban hành Quyết định số 3494/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện Dự án. Ngày 11/11/2014, Sở Tài nguyên và Môi trường cùng UBND quận Y đã thực hiện việc bàn giao mốc giới trên thực địa. Ngày 19/12/2014, UBND quận đã ban hành Kế hoạch số 187/KH-UBND về thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện Dự án và ban hành Thông báo thu hồi đất đến từng hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nằm trong chỉ giới thu hồi của Dự án, trong đó có hộ gia đình bà Nguyễn Thị A, ông Trần Văn A1. Ngày 09/6/2015, UBND quận ban hành các Quyết định số 2265/QĐ-UBND và số 2266/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thành lập Tổ công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án. Ngày 21/7/2015, lãnh đạo UBND quận Y đã tổ chức họp các hộ dân để thông báo về kế hoạch triển khai dự án; căn cứ pháp lý; chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; quy mô dự án...

Do hộ ông Trần Văn A1 cùng vợ là bà Nguyễn Thị A đã được vận động thuyết phục nhưng không hợp tác để kê khai, kiểm đếm tài sản, Chủ tịch UBND quận Y đã ban hành Quyết định số 4281/QĐ/CTUBND ngày 09/9/2015 về việc kiểm đếm bắt buộc và Quyết định số 4649/QĐ/CTUBND ngày 06/10/2015 về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với hộ gia đình ông Trần Văn A1, bà Nguyễn Thị A.

Theo kết quả kiểm đếm bắt buộc được thực hiện ngày 16/10/2015, xác nhận số 25/UBND/ĐC ngày 24/12/2015 của UBND phường X về nguồn gốc đất, loại đất, vị trí, người sử dụng, thời điểm sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất; xác nhận nhân khẩu, hộ khẩu, tình trạng cư trú, tình trạng nhà đất khác, UBND quận Y đã ban hành Quyết định số 3721/QĐ-UBND và Quyết định số 3736/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Thị A và ông Trần Văn A1 (với tổng số tiền được bồi thường về tài sản và đất là 939.512 đồng). Giá đất làm căn cứ phê duyệt theo Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 và Quyết định số 4002/QĐ-UBND ngày 21/7/2016 của UBND thành phố H, đã có chính sách đặc thù áp dụng tại dự án cao hơn (tuỳ theo vị trí) so với giá đất tính bồi thường được quy định tại Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố H. UBND quận Y đã thực hiện phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 05/01/2017, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 108/QĐ-UBND về việc bán căn hộ tái định cư tại đơn nguyên ĐN3, lô OCT1- Điểm X1 Khu đô thị B mở rộng, quận P cho hộ gia đình.

[3.3] Như vậy, UBND quận Y đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại các Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 79, Điều 83, Điều 89, Điều 91, Điều 92 và Điều 93 Luật đất đai 2013; các Điều 6, Điều 9, Điều 28, Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; các Điều 5, Điều 7, Điều 11, Điều 12, Điều 14, Điều 23 và Điều 25 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 và Quyết định số 4002/QĐ-UBND ngày 21/7/2016 của UBND thành phố H. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện hủy Quyết định số 3721/QĐ-UBND và Quyết định số 3736/QĐ-UBND cùng ngày 04/11/2016,

là có cơ sở.

[4] Ông Trần Văn A1 kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ tài liệu chứng minh.

[5] Về án phí: Ông Trần Văn A1 là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của ông Trần Văn A1. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 233/2019/HCST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Trần Văn A1.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 18/6/2021.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Cục THANDS thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương